

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠCH THÀNH
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 29/7/2021

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cúc

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trương Thị Hồng Xuân

Bà Bùi Thị Bích Thủy

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Hùng – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàn – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 88/2021/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2021 về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 21/2021/QĐST-HNGĐ; ngày 15/7/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị M; Sinh năm: 1993

Địa chỉ: Xóm 5, xã Ng, huyện N, tỉnh Nghệ An.

Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Bùi Văn T; Sinh năm: 1992

Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 01/3/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị M trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Bùi Văn T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (Sau đây viết tắt là UBND) xã Ng, huyện N, tỉnh Nghệ An ngày 16/4/2014. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận được 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do trước khi kết hôn, hai bên chưa có nhiều thời gian tìm hiểu về nhau nên khi chung sống với nhau thì nhận ra vợ chồng tính tình không hòa hợp, không cùng chung quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi cọ, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Chị đã về nhà bố mẹ đẻ từ năm 2016 đến nay và vợ chồng ly thân từ đó, không còn quan hệ tình cảm với nhau nữa. Nay chị xác định tình

cảm vợ chồng không còn, không thể chung sống được nữa nên đề nghị TAND huyện Thạch Thành giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Bùi Thị Anh T, sinh ngày 16/8/2014. Hiện nay cháu đang ở với chị. Ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản: Chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai đề ngày 27/4/2021, bị đơn anh Bùi Văn T trình bày:

Về hôn nhân: Anh và anh chị Trần Thị M kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Ng, huyện N, tỉnh Nghệ An ngày 16/4/2014. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận bình thường nhưng được khoảng 2 năm sau thì xảy ra bất đồng. Nguyên nhân là do điều kiện công việc mỗi người một nơi nên tình cảm dần phai nhạt và không được trọn vẹn như trước. Anh và chị M đã sống ly thân từ năm 2016 đến nay, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Tuy nhiên, hiện tại anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn nên anh vẫn mong muốn được đoàn tụ, anh không đồng ý ly hôn với chị M.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Bùi Thị Anh T, sinh ngày 16/8/2014. Nếu chị M nhất quyết ly hôn, anh đồng ý giao con cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng, anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị M.

Về tài sản: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Tòa án đã xác định đúng quan hệ pháp luật và tư cách tố tụng của các đương sự trong vụ án. Từ giai đoạn thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án cũng như các thành viên của Hội đồng xét xử (Sau đây viết tắt là HĐXX) và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (Sau đây viết tắt là BLTTDS). Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình còn bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của BLTTDS.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình; Về hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị M được ly hôn anh Bùi Văn T; Về con chung: Giao cháu Bùi Thị Anh T, sinh ngày 16/8/2014 cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình có con chưa thành niên và trong quá trình giải quyết vụ án, do các bên đương sự chưa thống nhất được các vấn đề tranh chấp trong vụ án nên Tòa án đã tiến hành xác minh để xác định nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp theo khoản 3 Điều 208 BLTTDS và đã thông báo kết quả thu thập tài liệu chứng cứ cho các bên đương sự cũng như VKS được biết.

[2]. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự, nhưng anh T không có mặt nên Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai

chứng cứ vắng mặt anh T và thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ cho anh T theo khoản 3 Điều 210 BLTTDS.

[3]. Anh T đã được triệu tập hợp lệ đến phiên hoà giải hai lần nhưng đều không có mặt để tham gia hoà giải nên Toà án không tiến hành hoà giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 BLTTDS.

[4]. Tại phiên tòa hôm nay, chị M vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238 BLTTDS, Tòa án xét xử vắng mặt chị M và anh T.

[5]. Về hôn nhân: Chị Trần Thị M và anh Bùi Văn T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Ng, huyện N, tỉnh Nghệ An vào ngày 16/4/2014 và không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 1 Điều 28 BLTTDS. Sau khi kết hôn, vợ chồng hoà thuận được 02 năm thì mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là do trước khi kết hôn hai bên chưa có nhiều thời gian tìm hiểu kỹ về nhau nên khi về chung sống một nhà thì vợ chồng luôn bất đồng về tính cách và quan điểm sống. Thêm vào đó, do điều kiện công việc thường xuyên phải xa nhau nên tình cảm vợ chồng phai nhạt dần. Việc này, cả chị M và anh T đều thừa nhận và cũng phù hợp với nội dung mà Tòa án tiến hành xác minh tại địa phương. Mặc dù anh T yêu cầu được đoàn tụ nhưng không có mặt tại Tòa án để tham gia hòa giải, trong khi đó chị M nhất quyết yêu cầu được ly hôn anh T. HĐXX nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho chị Trần Thị M được ly hôn anh Bùi Văn T.

[6]. Về con chung: Vợ chồng có một con chung. Xét thấy, cháu Anh T là con gái, lại đang còn rất nhỏ nên rất cần sự chăm sóc của người mẹ. Mặt khác, từ khi vợ chồng chị M và anh T sống ly thân thì cháu luôn ở với mẹ. Do đó, để tránh sự xáo trộn trong cuộc sống và sinh hoạt của cháu, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của chị M, giao hai cháu Bùi Thị Anh T cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị M.

[7]. Về tài sản: Chị M và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[8]. Về án phí: Chị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 BLTTDS; Điều 6; Khoản 1 Điều 24; Điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị M được ly hôn anh Bùi Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Bùi Thị Anh T, sinh ngày 16/8/2014 cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị M.

Anh T có quyền qua lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Trần Thị M phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền chị M đã nộp tạm ứng tại Chi cục Thi hành án dân sự Thạch Thành, theo biên lai số: AA/2018/0003078; ngày 13/4/2021. Chị M đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt chị Trần Thị M và anh Bùi Văn T. Chị M và anh T có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thạch Thành;
- UBND xã Ng;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Cúc